

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-02-2019

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu,

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Cường;
2. Bà Lê Thị Nhung.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 2 625/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị D**, sinh năm: 1950.

Địa chỉ: 4 L, Phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Ông **Dương Văn Đ**, sinh năm: 1942.

Địa chỉ: B D, M, Ontario L, Canada.

(Các đương sự đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18 tháng 12 năm 2018 và trong quá trình tố tụng, bà Lê Thị D - nguyên đơn trình bày:

Năm 1968, bà và ông Dương Văn Đ quen biết, tìm hiểu và chung sống với nhau như vợ chồng được sự chấp thuận của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn.

Năm 1984, ông Dương Văn Đ sang Canada sinh sống và làm việc, hai bên ít có thời gian liên lạc, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn bất hòa không thể hàn gắn được. Nhận thấy cả hai không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa nên bà yêu cầu được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Dương Văn Đ có 04 con chung là Dương Văn L, sinh năm 1972; Dương Văn C, sinh năm 1974; Dương Thị P, sinh năm 1976; Dương Thị Bé H, sinh năm 1978, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị D khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Dương Văn Đ trình bày: Ông thống nhất với lời khai của bà Lê Thị D về thời gian chung sống và mâu thuẫn vợ chồng. Ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà D.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị D có 04 con chung là Dương Văn L, sinh năm 1972; Dương Văn C, sinh năm 1974; Dương Thị P, sinh năm 1976; Dương Thị Bé H, sinh năm 1978, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Dương Văn Đ khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp giữa bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ là Ly hôn theo yêu cầu của một bên được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có nơi cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh; bị đơn có nơi cư trú tại Canada nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh như quy định tại khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Trong quá trình tố tụng, sau khi cung cấp lời khai và trình bày ý kiến, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa không gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1968, chưa đăng ký kết hôn. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Thông tư số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì hôn nhân giữa bà D và ông Đ là hợp pháp.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ thì trong thời gian chung sống cả hai đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không giải quyết được, ông Dương Văn Đ đã sang Canada để sinh sống. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Lê Thị D yêu cầu được ly hôn và phía ông Dương Văn Đ cũng đồng ý, đây là yêu cầu chính đáng đồng thời phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ có 04 con chung là Dương Văn L, sinh năm 1972; Dương Văn C, sinh năm 1974; Dương Thị P, sinh năm 1976; Dương Thị Bé H, sinh năm 1978, đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Lê Thị D sinh năm 1950 là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi nên thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147; Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Lê Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị D được ly hôn với ông Dương Văn Đ.

- Về con chung: Bà Lê Thị D và ông Dương Văn Đ có 04 con chung là Dương Văn L, sinh năm 1972; Dương Văn C, sinh năm 1974; Dương Thị P, sinh năm 1976; Dương Thị Bé H, sinh năm 1978, đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Lê Thị D được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Lê Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Ông Dương Văn Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hậu